

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh**  
**Năm 2017**

**I. Thông tin chung**

*1. Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900325068
- Vốn điều lệ: 215.172.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 215.172.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 10 Đường Trường Thi, Phường Trường Thi, TP Vinh, Nghệ An
- Số điện thoại: 02383.847143
- Số fax: 02383.847142
- Website: <http://nghetinhport.com.vn>
- Mã cổ phiếu: NAP
- Quá trình hình thành và phát triển.

Ngày 13/10/1955, Cảng Bến Thủy được thành lập, là tiền thân của Cảng Nghệ Tĩnh ngày nay, đã đánh dấu sự ra đời của một doanh nghiệp cảng biển anh hùng, tiên tiến, góp phần tích cực trong công cuộc phát triển kinh tế của tỉnh Nghệ An và khu vực miền trung.

Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh chính thức chuyển đổi từ ngày 1/4/2015, là doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa tại quyết định số: 658/QĐ-HHVN của HĐQT Tổng công ty Hàng hải Việt Nam với tỷ lệ nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh được niêm yết vào ngày 19/7/2016 tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

*2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

- Ngành nghề kinh doanh: Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu
- + Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng
- + Bốc xếp, bảo quản và giao nhận hàng hóa
- + Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan
- + Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển

+ Dịch vụ dẫn dắt tàu ra vào cảng, lai dắt tàu biển, hướng dẫn, kiểm tra tàu hoạt động trong khu vực cảng;

+ Hộ tống cứu nạn, cứu hộ trên biển

+ Cứu đắm, cứu cạn, sản xuất và cung ứng các thiết bị cứu sinh, cứu hộ.

+ Kinh doanh dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển

+ Sửa chữa phương tiện vận tải thủy, bộ

+ Xây dựng và sửa chữa công trình cảng

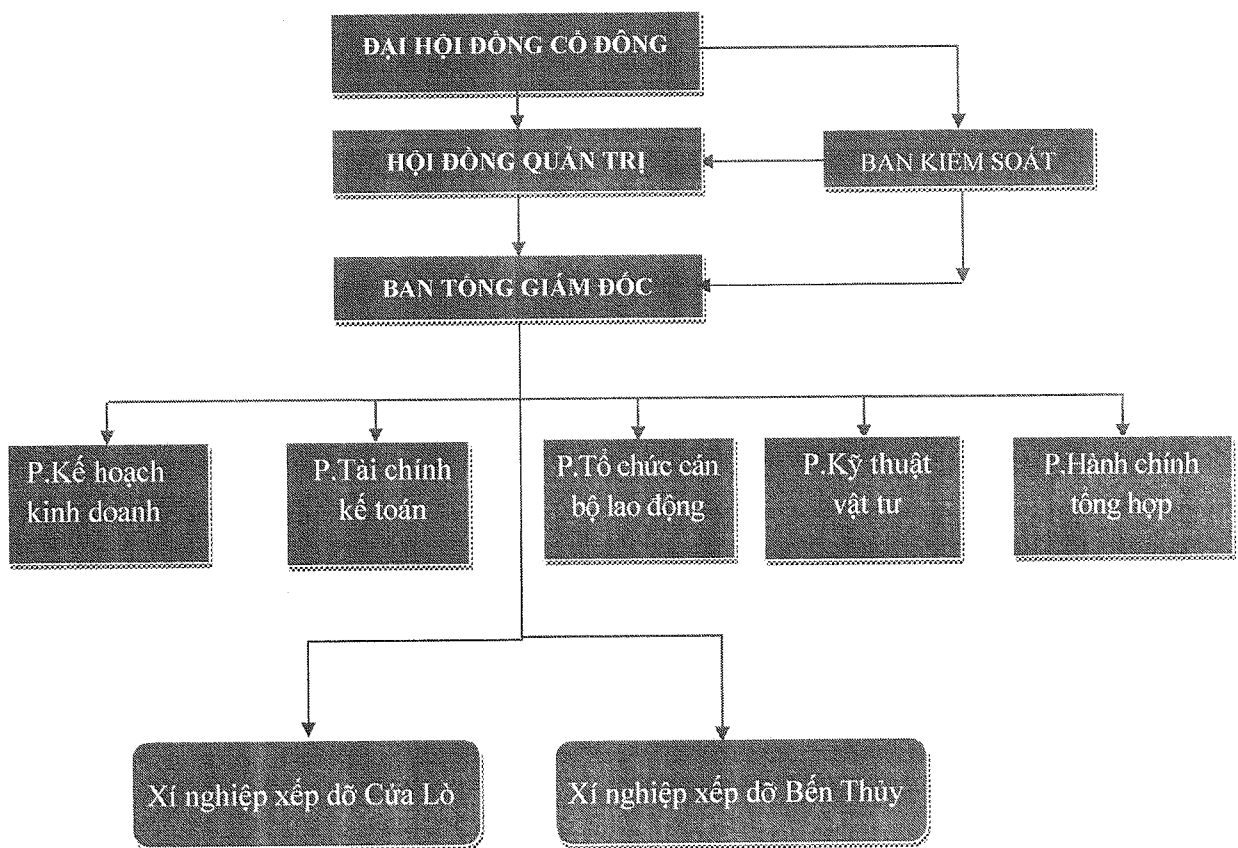
+ Kinh doanh Nhà nghỉ

+ Xây dựng và cho thuê Văn phòng làm việc

- Địa bàn kinh doanh chính là khu vực tỉnh Nghệ An, các tỉnh tiếp giáp lân cận trong và ngoài nước.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### - Mô hình quản trị



#### - Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu Hội đồng quản trị: Gồm có 05 người, Trong đó:

- + 01 Chủ tịch HĐQT
- + 04 Thành viên HĐQT

Cơ cấu Ban kiểm soát: gồm 03 người, Trong đó:

- + 01 Trưởng Ban kiểm soát
- + 02 Thành viên Ban kiểm soát

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc: gồm có: 03 người, Trong đó

- + 01 Tổng giám đốc
- + 02 Phó Tổng giám đốc

- **Các công ty con, công ty liên kết:** Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh có 01 Công ty liên kết là:

+ Tên công ty: Công ty Cổ phần lai dắt và dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò;

+ Địa chỉ: Văn phòng Cảng Cửa Lò, Khối 1, Phường Nghi Thủy, Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An

+ Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ dẫn dắt tàu ra vào cảng, lai dắt tàu biển, hướng dẫn tàu hoạt động trong khu vực cảng; Hộ tống cứu nạn, cứu hộ trên biển.

+ Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty liên kết là 36%.

#### *4. Định hướng phát triển*

##### **- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Phấn đấu xây dựng Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh trở thành một trong những Doanh nghiệp cảng biển có thương hiệu, uy tín, chất lượng trong khu vực và quốc tế.

+ Trở thành một trong những Công ty khai thác cảng biển hàng đầu trong trong khu vực Bắc Trung Bộ về lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ hàng container.

+ Luôn đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi và ổn định mức cổ tức hàng năm cho cổ đông, nâng cao thu nhập cho người lao động;

+ Tiếp tục duy trì và phát triển thương hiệu, hình ảnh và uy tín của Công ty trên thị trường trong và ngoài nước;

##### **- Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

+ Chiến lược phát triển thị trường

Đây là chiến lược thực hiện lâu dài đến năm 2020, trong đó Công ty chú trọng kinh doanh vào những ngành nghề kinh doanh chính như: Bốc xếp hàng hóa, giao nhận ủy thác, cho thuê kho bãi. Đồng thời tập trung mọi nguồn lực để tìm mở rộng sang thị trường Lào để tìm kiếm các mặt hàng tiềm năng như: Mặt hàng Kaly, quặng sắt; tìm kiếm thêm các khách hàng mới trên địa bàn: Các mặt hàng tôn cuộn, sắt thép, Clinker, xi măng, cát, đất phụ gia... để tăng trưởng hàng hóa thông qua cảng. Tuy

nhằm để thực hiện được chiến lược này Công ty cần duy trì và chú trọng đến chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

#### + Chiến lược phát triển sản phẩm

Trong giai đoạn này Công ty cần tập trung huy động vốn, từng bước tiến hành đầu tư mới thay thế các phương tiện, thiết bị, công cụ xếp dỡ hàng hóa đã lạc hậu về công nghệ, hết khấu hao, sử dụng không hiệu quả và đầu tư, nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý, khai thác cảng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. Đồng thời không ngừng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để cải tiến các công cụ xếp dỡ hàng hóa nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của khách hàng, đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh so với các cảng trong khu vực. Các sản phẩm sẽ được phát triển theo hướng nâng cao về mặt chất lượng phục vụ, đảm bảo nhanh chóng, an toàn, chuyên nghiệp hơn.

Mũi nhọn trong chiến lược phát triển sản phẩm trong giai đoạn tới là dịch vụ hàng container và hàng rời.

#### + Chiến lược phát triển con người

Nguồn nhân lực của Công ty đóng một vai trò hết sức quan trọng trong quá trình phát triển. Vì vậy, chiến lược phát triển con người bao gồm: công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, đào tạo và các chính sách đãi ngộ đóng vai trò hết sức quan trọng để nguồn nhân lực có đủ: Năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giỏi, sức khỏe tốt, ứng xử văn hoá tốt, hoàn thành tốt nhiệm vụ quyền hạn được giao một cách hiệu quả.

### 5. Các rủi ro

- **Rủi ro kinh tế:** Những biến động của nền kinh tế vĩ mô thể hiện ở tốc độ tăng trưởng, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá,... sẽ ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, v.v...

+ **Tốc độ tăng trưởng:** Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm cho thấy Việt Nam chịu ảnh hưởng tương đối lớn từ biến động của nền kinh tế thế giới. Tăng trưởng năm 2017 đạt 6,81% tăng 0,67% so với năm 2016, vượt mục tiêu đề ra là 6,7% và là mức cao nhất trong cả giai đoạn 2011-2016; Trong mức tăng 6,81% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đã có sự phục hồi đáng kể với mức tăng 2,9% (cao hơn mức tăng 1,36% của năm 2016), đóng góp 0,44 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8%, đóng góp 2,77 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 7,44%, đóng góp 2,87 điểm phần trăm. Tuy nhiên, Chính phủ cũng nhìn nhận nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn khi tổng cầu còn yếu, tăng trưởng tín dụng đạt thấp, xử lý nợ xấu chậm, hiệu quả chưa cao. Do đó, các doanh nghiệp - đặc biệt là các doanh nghiệp trong ngành dịch vụ chịu tác động trực tiếp từ biến động tổng cầu của nền kinh tế - cần có định hướng và chính sách cụ thể để có thể ứng biến kịp thời trước những khó khăn chung của nền kinh tế.

+ **Lạm phát:** Lạm phát toàn phần trong cả năm 2017 nhìn chung suy giảm mạnh mẽ, mặc dù có sự gia tăng trong hai tháng 8 và 9 do yếu tố mùa vụ. Điều này trái ngược hoàn toàn với xu thế gia tăng liên tục trong năm 2016.

Tại thời điểm tháng 12/2017, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) chỉ tăng 2,60% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, lạm phát lõi được duy trì ở mức ổn định khoảng 1,3% từ tháng 5, giúp cho khoảng cách giữa lạm phát toàn phần và lạm phát lõi ngày càng được thu hẹp.

Nguyên nhân chính khiến lạm phát năm 2017 ở mức thấp đến từ việc giá cả được kiểm chế chặt chẽ và chủ yếu chỉ tăng ở các dịch vụ thiết yếu như giáo dục và y tế. Cụ thể, nhiều tỉnh, thành phố đã thực hiện điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế cho đối tượng không có thẻ bảo hiểm y tế, đưa mức giá của nhóm hàng này tăng 27,79% so với năm 2016. Cùng với đó, giá dịch vụ giáo dục vẫn theo đúng chu kỳ tăng mạnh vào hai tháng 8 và 9/2017, khiến chỉ số giá của nhóm này tăng 7,29%. Mặc dù, liên tục tăng sau các đợt điều chỉnh giá xăng dầu nhưng chỉ số giá của nhóm hàng giao thông tháng 12/2017 cũng chỉ tăng 6,04% so với cùng kỳ năm trước.

Lạm phát sẽ làm ảnh hưởng đến chi phí đầu vào cho các doanh nghiệp, do vậy sẽ kích thích được tiêu dùng và làm tăng doanh thu của doanh nghiệp

+ **Lãi suất:** Theo dữ liệu từ NHNN cho biết: Lãi suất huy động bằng VND tương đối ổn định. Hiện, mặt bằng lãi suất huy động bằng VND phổ biến ở mức 0,8-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,5-5,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,4-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,4-7,2%/năm. Lãi suất huy động bằng USD tương đối ổn định: Hiện nay lãi suất huy động USD của TCTD phổ biến ở mức 0 %/năm đối với tiền gửi của cá nhân và tổ chức.

Theo đó, mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6-7%/năm đối với ngắn hạn, các NHTM nhà nước tiếp tục áp dụng lãi suất cho vay trung và dài hạn phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 9-10%/năm. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3-11%/năm đối với trung và dài hạn.

Lãi suất cho vay USD tương đối ổn định: Hiện lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 2,8-6,3%/năm; trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 2,8-5,2%/năm, lãi suất cho vay trung, dài hạn ở mức 5,3-6,2%/năm.

Với việc mặt bằng lãi suất hiện tại đã ở mức khá thấp, chi phí lãi vay của doanh nghiệp có cơ hội giảm. Năm 2017 được đánh giá là lãi suất sẽ ổn định, khó có dư địa để giảm thêm, việc hưởng lợi từ giảm mạnh chi phí lãi vay sẽ không còn. Việc thúc đẩy xử lý nợ xấu và kiểm soát tốt lạm phát giúp ổn định mặt bằng lãi suất sẽ là điểm tựa cho sự phục hồi tốt hơn của đầu tư tư nhân, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế trong năm 2017. Tăng trưởng GDP cả năm 2017 được dự báo vào khoảng 6,3%.

Trong năm 2017, khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp sẽ phụ thuộc vào hai yếu tố chính là tốc độ xử lý nợ xấu trong hệ thống ngân hàng và những yếu tố cơ bản của chính bản thân doanh nghiệp.

- **Rủi ro luật pháp:** Cảng Nghệ Tĩnh đã thực hiện xong quá trình chuyển đổi từ Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần. Do đó Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần. Đồng thời việc Công ty là công ty đại chúng, Công ty phải tuân thủ các quy định của Pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán, các quy định riêng cho công ty đại chúng và công ty niêm yết. Trong giai đoạn này, Công ty phải nắm bắt nhiều quy định mới, do đó có thể phát sinh những rủi ro về mặt pháp luật trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Mặt khác, Việt Nam trong những năm gần đây, thông qua hoạt động lập pháp, Quốc hội đã dần tạo lập được khung pháp lý và hệ thống Luật pháp khá đầy đủ trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa. Tuy nhiên hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, vẫn trong quá trình phải sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện dần nên vẫn tiềm tàng một số rủi ro về pháp lý cho các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Doanh nghiệp hoàn toàn có thể hạn chế rủi ro pháp luật bằng chính sự hiểu biết về pháp luật hoặc thông qua sự tham vấn chuyên nghiệp của các đơn vị tư vấn Luật.

- **Rủi ro đặc thù**

+ **Rủi ro cạnh tranh ngành:** Hiện nay, vấn đề quy hoạch cảng biển đã có quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ tuy nhiên trong quá trình thực hiện vẫn bộc lộ một số bất cập. Tính tới tháng 8 năm 2014, Việt Nam đã xây dựng được 44 cảng biển các loại, hệ thống cảng biển có khoảng 219 bến cảng với gần 43,6km cầu cảng và hàng chục khu chuyển tải, trong đó chỉ có khoảng 10 cảng có đủ điều kiện tiếp nhận tàu trọng tải cỡ trung bình của thế giới (*theo Cục Hàng hải Việt Nam*). Với khối lượng hàng hóa thông qua hầu hết các cảng biển chỉ xấp xỉ 16% công suất thiết kế khiến cho các doanh nghiệp khai thác cảng thiếu nguồn hàng trầm trọng, dẫn tới việc cạnh tranh không lành mạnh về giá giữa các cảng. Trong khi đó, kinh tế biển là vùng kinh tế trọng điểm của miền Trung, nhưng quy mô hoạt động của các cảng tại miền Bắc Trung (từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh) đều nhỏ, nguồn hàng chưa dồi dào khiến cho Cảng Nghệ Tĩnh càng gặp khó khăn hơn trong việc cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành.

Tại khu vực Bắc Trung Bộ Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh có các đối thủ cạnh tranh chính:

**Khu vực Hà Tĩnh: Công ty cổ phần cảng Vũng Áng - Việt Lào (Hà Tĩnh)**

\* Là cảng nước sâu có thể đón được các tàu có trọng tải từ 40.000 DWT đến 50.000 DWT.

\* Hàng hóa thông qua chủ yếu là hàng rời: Gỗ dăm, than, đá rời xây dựng..., thiết bị.

\* Đối với Cảng Vũng Áng do điều kiện khoảng cách địa lý (đường bộ) xa, cách Cảng Cửa Lò 150 km, việc cạnh tranh hàng hóa ở mức độ thấp. Tuy nhiên, do hiện tại các mặt hàng thông qua Cảng Vũng Áng chủ yếu là hàng rời nên, cho nên khi thực hiện xếp dỡ các loại hàng bao gập nhiều khó khăn do không đủ nguồn nhân lực, năng suất xếp dỡ thấp, kho chứa hàng còn hạn chế. Vì vậy, hiện tại các hàng phân bón kaly từ Lào thông qua Cửa khẩu Chalo Quảng Bình đang thực hiện quá cảnh tại cảng Cửa Lò, Nghệ An.

**Khu vực Thanh Hóa** bao gồm các Cảng: Công ty cổ phần cảng dịch vụ dầu khí tổng hợp PTSC Thanh Hóa; Công ty cổ phần thương mại Cảng Đại Dương (Thanh Hóa); Cảng Quốc tế Nghi Sơn (*Gang thép Nghi Sơn*)

\* Hiện tại các cảng ở khu vực Thanh Hóa đều là cảng nước sâu có thể đón được các tàu có trọng tải từ 40.000 DWT đến 50.000 DWT.

\* Hàng hóa thông qua chủ yếu là hàng rời: Gỗ dăm, than, clinker, đá rời..., thiết bị.

\* Đối với cụm cảng Nghi Sơn có khoảng cách đường bộ cách Cảng Cửa Lò 80 Km, Hàng hóa từ miền tây Nghệ An về cảng Cửa Lò xa hơn cụm cảng Nghi Sơn từ 30 đến 36 Km. Do vậy hiện tại đang cạnh tranh rất khốc liệt, đặc biệt là giá cước bốc xếp hàng hóa.

\* Hiện tại các Cảng ở Thanh Hóa và Hà Tĩnh đã thực hiện việc đầu tư các thiết bị làm hàng container. Đặc biệt Cảng Quốc tế Nghi Sơn đã đầu tư đồng bộ các thiết bị làm hàng container. Hiện tại giá cước container nội địa tại khu vực Nghi Sơn Thanh Hóa đang chào bằng 80% giá cước tại Cảng Cửa Lò, giá container Quốc tế bằng mức tối thiểu theo quy định ở khu vực phía Bắc.

#### **Khu vực Cụm cảng Cửa Lò**

\* Công ty TNHH MTV Cảng Cửa Lò (Công ty CP đầu tư Tuần Lộc sát cạnh bên số 4 Cảng Cửa Lò)

Công ty CP đầu tư Tuần Lộc dự kiến sẽ vận hành khai thác vào đầu năm 2018, hạ tầng thiết kế chủ yếu làm hàng container, các loại hàng rời... Đây là Cảng sẽ cạnh tranh trực tiếp và sản lượng hàng hóa thông qua cảng sẽ bị chia sẻ khoảng 30 đến 40%.

\* Cảng Vissai (Nghệ Thiét)

Cảng Visai đã hoàn thành cầu dẫn chuyên dụng để vận hành khai thác cho tàu đến 50.000 DWT ( tháng 6/2017) hàng hóa chủ yếu là clinker. Ngoài ra, hiện tại Cảng Vissai đang xây dựng thêm một số bến tổng hợp dự kiến chậm nhất cuối năm 2018 và đầu năm 2019 sẽ đưa vào vận hành khai thác. Như vậy, trong thời gian tới lượng hàng

hóa như xi măng rời, clinker, than rời thông qua cảng Cửa Lò sẽ bị giảm mạnh (Dự kiến khối lượng hàng của Vissai thông qua năm 2017 sẽ đạt khoảng 450.000tấn). Ngoài ra, sẽ là đối thủ cạnh tranh trực tiếp sản lượng hàng hóa khác thông qua cảng Cửa Lò.

\* Cảng nước sâu TH: Có thể đáp ứng được tàu có trọng tải 100.000 DWT (*hiện tại chưa triển khai xây dựng*)

**Đánh giá về đối thủ cạnh tranh:** Hiện tại Bến số 5 của Công ty TNHH MTV Cảng Cửa Lò là đối thủ cạnh tranh mạnh nhất với những lý do cụ thể như sau:

\* Cùng miền thị trường và khách hàng, do đó có nhiều cơ hội lôi kéo khách hàng;

\* Nằm ở vị trí hạ lưu và có khả năng tiếp nhận tàu với công suất lớn hơn (30.000 DWT)

\* Bến mới được Xây dựng hạ tầng chuyên dụng bến Container; Cảng mới đưa vào vận hành khai thác nên chấp thuận lỗ trong giai đoạn đầu để có khách hàng; trong khi mặt hàng container chiếm gần 1/3 sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Cửa Lò

+ **Rủi ro về nguyên nhiên liệu:** Đối với doanh nghiệp khai thác cảng, nguyên liệu đầu vào chủ yếu là xăng dầu - một mặt hàng gần như độc quyền trong nước và thường xuyên có biến động về giá. Trong khi đó, tình hình chính trị trên thế giới liên tục bất ổn, khiến cho giá cả của nguồn nguyên liệu khan hiếm này được dự báo sẽ tăng mạnh trong tương lai. Điều này tác động rất lớn tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải nói chung, cũng như đối với các hãng tàu, vận tải biển, khai thác cảng nói riêng. Để có thể hạn chế được tối đa rủi ro về nguyên liệu, trong thời gian tới, Cảng Nghệ Tĩnh cần đưa ra những dự báo về thị trường, dự báo về mức giá để chủ động hơn về nguồn nguyên nhiên liệu phục vụ hoạt động kinh doanh khai thác cảng của Công ty.

+ **Rủi ro khác:** Các rủi ro khác nằm ngoài khả năng dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

Đặc biệt đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng thì các rủi ro như thiên tai, bão lũ sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Doanh nghiệp.

## II. Tình hình hoạt động trong năm.

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	So sánh (%) thực hiện 2017 với	
					KH năm	Thực



					2017	hiện 2016
<b>Sản lượng</b>	<b>Tấn</b>	<b>3.135.303</b>	<b>3.200.000</b>	<b>3.639.418</b>	<b>113,7</b>	<b>116,0</b>
<b>Doanh thu</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>169.096</b>	<b>165.000</b>	<b>169.510</b>	<b>102,7</b>	<b>100,2</b>
<b>Chi phí</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>144.198</b>	<b>139.000</b>	<b>143.458</b>	<b>103,2</b>	<b>99,5</b>
Lợi nhuận TT	Tr.đồng	24.898	26.000	26.052	100,2	104,6
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>19.866</b>	<b>20.800</b>	<b>20.942</b>	<b>100,8</b>	<b>105,0</b>

**Đánh giá kết quả đạt được trong năm 2017.**

- Sản lượng hàng hoá thông qua năm 2017 đạt 3.639.418 tấn, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2016, tăng 13,7% kế hoạch năm 2017.

Trong đó:

+ Hàng xuất khẩu đạt 1.210.494 tấn, tăng 25,6% so với cùng kỳ năm 2016 và đạt tăng 15% so với kế hoạch.

+ Hàng quá cảnh đạt 143.571 tấn, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2016 và đạt 92,6% so với kế hoạch.

+ Hàng nhập khẩu đạt 104.016 tấn, đạt 90% so với cùng kỳ năm 2016 và tăng 20,67% so với kế hoạch.

+ Hàng nội địa đạt 2.181.337 tấn, tăng 13,2% so với cùng kỳ năm 2016 và tăng 11,47% so với kế hoạch.

+ Hàng container đạt 59.783 TEU tương đương 1.058.921 tấn thông qua, bằng 98,3% so với cùng kỳ năm 2016 và đạt 92% so với kế hoạch.

**Các yếu tố làm tăng, giảm sản lượng hàng hóa thông qua Cảng:**

**- Nguyên nhân một số mặt hàng tăng trưởng sản lượng:**

So với năm 2016, một số mặt hàng xuất nhập khẩu thông qua cảng Cửa Lò năm 2017 tăng với khối lượng lớn như:

+ Hàng lỏng (dầu thực vật, gas, nhựa đường): đạt 108.725 tấn tăng 14,3% so với cùng kỳ năm 2016. Do nhu cầu tiêu thụ của thị trường nội địa nên các khách hàng đã tăng cường nhập khẩu và nhập nội về nên đã góp phần tăng trưởng sản lượng các mặt hàng này.

+ Hàng thức ăn gia súc các loại: đạt 91.148 tấn tăng 64,57% so với cùng kỳ năm 2016. Do từ đầu năm 2017 nhu cầu tiêu thụ của các nhà máy ở khu vực KCN Nam Cẩm, Nghệ An như Mavin Ausfeed, Cargill, Hope, Anco... đi vào hoạt động ổn định, nhu cầu nguyên liệu tăng cao nên đã góp phần tăng trưởng mặt hàng này.

+ Hàng Clinker: đạt 234.420 tấn tăng 54,47% so với cùng kỳ năm 2016. Do trong kỳ doanh nghiệp Công ty cổ phần xi măng Sông Lam chưa chuyển sang làm hàng tại cảng chuyên dụng của Công ty Vissai. Từ năm 2018 phần sản lượng của mặt hàng này sẽ chuyển sang làm tại cảng của Công ty Vissai.

+ Hàng than: đạt 400.867 tấn tăng 42% so với cùng kỳ năm 2016. Do trong kỳ Công ty cổ phần xi măng Sông Lam tăng cường nhập nội từ Quảng Ninh về để sử

dụng cho nhà máy xi măng Đô Lương, Công ty Traco có hàng than quá cảnh qua Lào nên đã góp phần tăng trưởng cho mặt hàng này.

+ Hàng phân, kaly các loại: đạt 242.607 tấn tăng 20% so với cùng kỳ năm 2016. Do nhu cầu tiêu dùng của thị trường nội địa và lượng hàng quá cảnh từ Lào xuất đi thị trường Trung Quốc tăng lên nên đã góp phần tăng trưởng mặt hàng này thông qua cảng.

+ Hàng gỗ dăm: đạt 509.480 tấn tăng 17% so với cùng kỳ năm 2016 do trong kỳ nhu cầu thị trường xuất khẩu sang Trung Quốc tăng cao nên đã góp phần tăng trưởng cho mặt hàng này.

+ Mặt hàng xi măng rời: đạt 97.557 tấn. Đây là mặt hàng mới của Công ty cổ phần xi măng Sông Lam mới phát sinh từ tháng 6 năm 2017.

**- Nguyên nhân một số mặt hàng giảm sản lượng:**

+ Hàng tôn cuộn: sản lượng là 19.910 tấn đạt 37% so với cùng kỳ năm 2016 do hiện nay khách hàng nhập hàng về qua cảng Nghi Sơn để phục vụ cho nhà máy tôn Hoa Sen đóng tại Hoàng Mai, còn nhà máy tôn Hoa Sen đóng ở Nam Cẩm công suất nhỏ hơn nên họ đã dùng phương tiện đường bộ chuyển tải hàng từ Nghi Sơn về Nghệ An đã làm giảm mạnh sản lượng mặt hàng này thông qua cảng.

+ Hàng thiết bị: sản lượng là 3.201 tấn đạt 10,2% so với cùng kỳ năm 2016 do hiện nay việc đầu tư các nhà máy tại khu vực Nghệ An, Lào đã đầu tư xong, đi vào hoạt động ổn định nên đã làm giảm lượng hàng thiết bị thông qua cảng.

+ Hàng container: sản lượng là 1.058.921 tấn đạt 98,25% so với cùng kỳ năm 2016 chủ yếu do thị trường hàng nội địa cơ bản bảo hòa, một số tàu container phải sửa chữa định kỳ và các cảng Nghi Sơn, Vũng Áng bắt đầu khai thác hàng container.

+ Mặt hàng quặng rời lượng hàng xuất hàng qua cảng không đáng kể (năm 2017 là 1.715 tấn), lý do chủ yếu là giá xuất bán giảm xuống thấp, các doanh nghiệp bị thua lỗ nên hạn chế xuất hoặc tạm ngừng xuất hàng.

**2. Tổ chức và nhân sự**

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày sinh	Trình độ học vấn	Quê quán	CMND	Số cổ phần có quyền biểu quyết
1	Lê Doãn Long	Tổng giám đốc	28/12/1970	Thạc sỹ	Phường Bến Thủy, TP Vinh, Nghệ An	181657843	44.900
2	Bùi Kiều Hưng	Phó Tổng giám đốc	19/9/1972	Thạc sỹ	Xã Hợp Thành, H.Thủy Nguyên,	181937164	15.925

					Hải Phòng		
3	Trần Văn Đạt	Phó Tổng giám đốc	20/8/1963	Thạc sỹ	Xã Đại Lộc, H.Can Lộc. Hà Tĩnh	182000153	32.150
4	Nguyễn Xuân Hùng	Kế toán trưởng	25/01/1980	Thạc sỹ	Xã Diễn Thái, H.Diễn Châu, Nghệ An	182349557	20.740

- Những thay đổi trong ban điều hành trong năm: Không có
- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số lao động 504 người; và trong năm không có thay đổi lớn trong chính sách đối với người lao động.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

#### a) Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:

Các dự án đã được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

a.1. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư được chuyển tiếp từ năm 2016 sang năm 2017.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Hạng mục	Số lượng	Kế hoạch	Thực hiện quyết toán	Hình thức	Ngày hoàn thành
1	Cần cầu bánh lốp 100 tấn	01	85.000.000	84.857.438	Đấu thầu rộng rãi	05/09/17
2	Đầu kéo Container	03	6.400.000	5.902.875	Đấu thầu rộng rãi	01/08/17
<b>Tổng</b>			<b>91.400.000</b>	<b>90.760.313</b>		

a.2. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư trong năm 2017 theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT phê duyệt.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

- Các dự án đầu tư đã thực hiện.

TT	Hạng mục	Số lượng	Kế hoạch	Thực hiện quyết toán	Hình thức thực hiện	Ngày hoàn thành
----	----------	----------	----------	----------------------	---------------------	-----------------

<b>I</b>	<b>Xây Dựng cơ bản</b>		<b>8.000.000</b>	<b>2.165.826</b>		
1	Trạm biến áp	01	8.000.000	2.165.826	Đấu thầu rộng rãi	25/08/17
<b>II</b>	<b>Máy móc thiết bị, dụng cụ</b>		<b>10.950.000</b>	<b>9.136.828</b>		
1	Máy xúc lật dùng đánh tủy	02	400.000	185.000	Chỉ định thầu rút gọn	18/01/17 (01 cái)
2	Khung chụp Con't	01	5.000.000	4.165.425	Đấu thầu rộng rãi	08/11/17
4	Đuôi mooc	03	800.000	314.000	Chỉ định thầu	02/10/17
5	Ben to phục vụ cầu bánh lốp	06	400.000	389.163	Tự thực hiện	09/11/17
6	Máy quét bụi vệ sinh công nghiệp	01	1.200.000	1.199.770	Chào hàng cạnh tranh qua mạng	16/12/17
7	Bộ dàn xả 2 thùng gỗ dăm	01	300.000	225.470	Tự thực hiện	15/12/17
8	Máy đào 300-350CP loại cần dài	01	2.200.000	2.120.000	Chào hàng cạnh tranh	22/01/2018
9	Thang máy	01	650.000	538.000	Chỉ định thầu rút gọn	31/12/17
<b>III</b>	<b>Đầu tư khác</b>		<b>4.050.000</b>	<b>153.235</b>		
1	Khu thử tải	01		33.235	Tự thực hiện	10/04/17
2	Hệ thống thiết bị truyền hình qua Internet	01		120.000	Chỉ định thầu rút gọn	28/06/17
<b>Tổng</b>			<b>23.000.000</b>	<b>11.455.889</b>		

- Các dự án đầu tư chưa thực hiện:

TT	Hạng mục	Số lượng	Kế hoạch	Lý do
<b>I</b>	<b>Xây Dựng cơ bản</b>		<b>7.067.000</b>	
1	Xây dựng gara để thiết bị	03	500.000	Vướng bãi chứa hàng, chưa tìm được vị trí phù hợp,
2	Nhà kho số 4 tại văn phòng cũ XNXD Cửa Lò	01	6.567.000	Đối tác gặp khó khăn về thị trường, không xin được giấy phép xây dựng nên phải lùi thời gian thực hiện
<b>II</b>	<b>Máy móc thiết bị, dụng cụ</b>		<b>26.500.000</b>	
1	Ngoại tự động	02	1.500.000	Đang nghiên cứu cho phù hợp với hàng hóa và thiết bị để đầu tư hiệu quả
2	Thiết bị xếp dỡ tại Cảng	01	25.000.000	Thay đổi Phương án đầu tư và chuẩn bị vốn đang đề nghị HĐQT phê duyệt
<b>Tổng</b>			<b>33.567.000</b>	

**b) Các công ty con, công ty liên kết:**

STT	Tên Công ty	Công ty con/liên kết	Vốn điều lệ thực góp (1.000 đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Thời điểm góp vốn	Lợi nhuận trong năm (1.000 đồng)
1	Công ty CP Lai dất và dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Liên kết	4.860.000	36	01/04/2016	891.455

*b.1. Về tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn:*

Công ty CP lai dất và dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò đã thực hiện các chế độ quản lý, sử dụng vốn và tài sản đúng các quy định tài chính và chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước. Đến hết năm 2017 thì nguồn vốn góp của Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh vẫn được bảo toàn và sử dụng có hiệu quả.

*b.2. Lợi nhuận thu về từ hoạt động đầu tư:*

Căn cứ kết quả SXKD của Công ty CP lai dất và dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò năm 2017 thì lợi nhuận thu về là: 891.454.846 đồng

Như vậy hoạt động đầu tư vào Công ty liên kết hiện tại đang đảm bảo tốt công tác bảo toàn phát triển vốn và lợi nhuận thu về cho Công ty.

#### 4. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016 (triệu đồng)	Năm 2017 (triệu đồng)	So sánh 2017/2016 (%)
Tổng giá trị tài sản	260.952	256.100	98,14
Doanh thu thuần	169.096	169.510	100,24
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	22.840	24.640	107,88
Lợi nhuận khác	2.058	1.412	68,61
Lợi nhuận trước thuế	24.898	26.052	104,63
Lợi nhuận sau thuế	19.866	20.942	105,42
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (Đồng/Cổ phiếu)	780	800	102,56

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,89	1,93	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	3,81	1,82	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,1	0,08	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,11	0,08	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	59	59	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,63	0,66	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,117	0,124	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,085	0,089	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,076	0,082	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,135	0,153	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**a) Cổ phần**

Tổng số Cổ phần	Cổ phần tự do chuyển nhượng	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	Ghi chú
21.517.200	12.542.212	8.974.988	

**b) Cơ cấu cổ đông**

- Cơ cấu cổ đông phân theo tỷ lệ sở hữu

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
<b>Cổ đông lớn (03 cổ đông)</b>		<b>17.881.029</b>	<b>83,1</b>	
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên	10.973.772	51	
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	4.594.156	21,35	
3	Bùi Ngọc Yên	2.313.101	10,75	
<b>Cổ đông nhỏ (534 cổ đông)</b>		<b>3.636.171</b>	<b>16,9</b>	
<b>Tổng cộng</b>		<b>21.517.200</b>	<b>100</b>	

- Cơ cấu cổ đông phân theo tổ chức và cá nhân trong nước (không có cổ đông nước ngoài)

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
<b>Cổ đông là tổ chức (03 cổ đông)</b>		<b>16.213.444</b>	<b>75,35</b>	
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên	10.973.772	51	Cổ đông Nhà nước
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	4.594.156	21,35	
3	Công đoàn Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	645.516	3	

<b>Cổ đông là cá nhân (534 cổ đông)</b>	<b>5.303.756</b>	<b>24,65</b>	
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.517.200</b>	<b>100</b>	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

### **6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm. Với đặc thù là doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm dịch vụ nên lượng nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong chi phí SXKD của Công ty, tương ứng 5,7% tổng chi phí SXKD; đây chính là chi phí công cụ dụng cụ sản xuất.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Do đặc thù ngành nghề kinh doanh dịch vụ nên Công ty không có sử dụng nguyên vật liệu tái chế.

### **6.2. Tiêu thụ năng lượng.**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Điện năng tiêu thụ trong năm cho bộ phận trực tiếp là 1.324.847 KWh và bộ phận gián tiếp là: 74.486 KWh

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

### **6.3. Tiêu thụ nước**

Nguồn nước tiêu thụ được cung cấp từ các Nhà máy nước trên địa bàn, với lượng nước sử dụng trong năm khoảng: 21.200 m<sup>3</sup>, lượng nước này sử dụng với mục đích cung cấp nước sạch cho tàu và nước sinh hoạt.

### **6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có vi phạm

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

### **6.5. Chính sách liên quan đến người lao động**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động: 504

- Mức lương trung bình đối với người lao động: 9.929.000 đồng/người/tháng.



*b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.*

Chính sách chăm sóc sức khỏe của Công ty được quan tâm để cán bộ nhân viên luôn có được thể trạng tốt nhất từ đó phát huy tính sáng tạo, nâng cao hiệu quả công việc. Hàng năm, Công ty tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ, phân loại lao động để có kế hoạch chăm sóc, tổ chức nghỉ dưỡng, phục hồi sức khỏe cho người lao động. Khuyến khích cán bộ nhân viên rèn luyện sức khỏe thông qua các phong trào thể dục thể thao. Cải tạo môi trường làm việc thoáng mát, chống ồn, giảm bụi bặm, tổ chức các lớp học an toàn lao động cho tất cả các đối tượng trong toàn Công ty. Vào mùa hè, tổ chức tham quan nghỉ mát du lịch, bồi dưỡng cung cấp nước đá cho người lao động trong mùa hè nóng nực.

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty thực hiện theo đúng qui định pháp luật và đảm bảo toàn thể cán bộ công nhân viên đều được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm. Nhiều năm liền Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh thực hiện tốt công tác bảo hiểm và nhận bằng khen của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Nghệ An. Thực hiện xây dựng và ban hành Hệ thống thang bảng lương, mức lương theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

*c) Hoạt động đào tạo người lao động*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Bình quân số giờ đào tạo mỗi năm là 320 giờ/năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động:

Tổ chức đào tạo, đào tạo lại và tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng làm việc để nâng cao trình độ tay nghề, nghiệp vụ cho người lao động để đáp ứng tốt yêu cầu đòi hỏi yêu cầu sản xuất kinh doanh.

### ***6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương***

Trong năm 2017 Công ty đã chi hỗ trợ, ủng hộ các Quỹ tại địa phương và cộng đồng với tổng số tiền lên tới 300 triệu đồng.

## **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

### ***1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh***

**\* Khó khăn:**

- Kinh tế thế giới, kinh tế trong nước phục hồi chậm, các nhà máy trong khu kinh tế, khu công nghiệp tại tỉnh Nghệ An triển khai xây dựng chưa đúng tiến độ, một số dự án chưa được thực hiện; lượng hàng hóa gia tăng chậm, chủ yếu bị phụ thuộc vào các mặt hàng: Đá, gỗ dăm, container... ; phần lớn hàng qua cảng là khoáng sản thô nên giá rẻ, phụ thuộc nhiều vào chính sách của chính phủ. Hàng container nội địa sau gần 10 năm phát triển đã có dấu hiệu bão hòa, ít còn dư địa tăng trưởng.

- Tàu cá của ngư dân vẫn thường xuyên chiếm dụng cầu Cảng Cửa Lò làm nơi neo đậu, gây cản trở đến việc khai thác cầu bến, an toàn hàng hải và an ninh trật tự trên bến cảng.

- Luồng vào cảng Bến Thủy cạn, bồi lắng nhiều, chỉ đảm bảo cho tàu < 2.000 DWT ra vào, gây khó khăn cho các tác nghiệp sản xuất và nhu cầu thị trường vận tải hàng hóa qua cảng Bến Thủy. Luồng tàu cảng Cửa Lò đã được nâng cấp - 7,2m nhưng chưa phù hợp với cầu tàu 25.000 DWT, vũng quay trở tàu hẹp làm hạn chế cho các tàu lớn ra vào (tàu có chiều dài hơn 150m không thể vào được).

- Cơ cấu tàu vào cảng Cửa Lò có xu hướng thay đổi, giảm các tàu < 2.000 DWT; tăng các tàu 5.000 – 10.000 DWT nên có lúc còn thiếu thiết bị làm hàng, giảm năng suất.

- Bãi chứa hàng không khai thác hết công suất do hàng thông qua cảng phần lớn là hàng thô, chưa chế biến, giá cả thấp; khách hàng hàng lựa chọn phương án đi thẳng để tiết kiệm chi phí; điều này làm giảm doanh thu bãi, vận chuyển bãi – tàu và năng suất thấp.

- Chịu sự cạnh tranh lớn từ Cảng Nghi Sơn, Thanh Hóa chia sẻ một số hàng đá trắng, thép cuộn, bò thịt; Các tàu trọng tải lớn vận chuyển than, clinke, dăm gỗ ... đến cảng Nghi Sơn. Cảng Vissai hoàn thành trong quý 4 làm giảm sản lượng hàng clinke, than qua cảng Cửa Lò.

**\* Thuận lợi:**

- Xuất khẩu đá trắng phục hồi, sản lượng tăng trưởng hơn so với năm 2016. Tuy nhiên, việc thay đổi chính sách thuế tài nguyên (tăng 2 – 3 lần so với trước), quy định về bảo vệ môi trường chặt chẽ có thể làm hạn chế lượng đá khai thác và bán ra trong thời gian tới.

- Luồng tàu vào cảng Cửa Lò tuy có bồi lắng nhưng cơ bản vẫn đảm bảo cho các tàu có tải trọng đến 15.000 DWT ra vào nên vẫn thuận lợi cho khai thác các mặt hàng truyền thống, nhưng không thu hút được các mặt hàng có khối lượng lớn cần xuất (than, clinke, cát...).

- Duy trì tuyến container trung chuyển hàng xuất khẩu ra khu vực Hải Phòng đã thu hút thêm một số hàng container xuất khẩu nên sản lượng hàng hóa ổn định.

- Thu hút thêm mặt hàng Cát xây dựng xuất ra Hải Phòng, Quảng Ninh làm tăng thêm sản lượng, tuy nhiên mặt hàng này không ổn định và giá rất thấp.

- Các nhà máy chế biến thức ăn gia súc tăng sản lượng trong các tháng đầu năm (tuy nhiên đến nay đã giảm do Chính phủ hạn chế nhập).

- Phương tiện, thiết bị của công ty luôn được đổi mới, bổ sung phù hợp với yêu cầu giải phóng hàng hóa nên năng suất lao động không ngừng tăng lên. Các nội quy, quy chế quản trị thường xuyên được đổi mới phù hợp với tình hình đã mang lại hiệu quả trong kinh doanh.

- Được sự quan tâm hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, Đảng ủy khối Doanh nghiệp Nghệ An nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty thu hút hàng về Cảng và tạo môi trường thuận lợi cho Công ty hoạt động.

**\* Kết quả đạt được:**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2016	Thực hiện 2017	So sánh (%) 2017/2016
<b>Doanh thu</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>169.096</b>	<b>169.510</b>	<b>100,2</b>
+ SXKD	Tr.đồng	164.176	165.843	101,0
+ Thu tài chính	Tr.đồng	2.726	2.093	76,3
+ Thu khác	Tr.đồng	2.194	1.574	71,7
<b>Chi phí</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>144.198</b>	<b>143.458</b>	<b>99,5</b>
+ QLDN	Tr.đồng	16.841	17.947	106,6
+ Giá vốn	Tr.đồng	127.222	124.712	98,0
+ Chi tài chính	Tr.đồng		637	
+ Chi khác	Tr.đồng	136	162	119,1
<b>Sản lượng</b>	<b>Tấn</b>	<b>3.135.303</b>	<b>3.639.418</b>	<b>116,0</b>
Lợi nhuận TT	Tr.đồng	24.898	26.052	104,6
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>19.866</b>	<b>20.942</b>	<b>105,0</b>
Nợ ngân sách	Tr.đồng	20.020	16.947	-
Tổng tài sản	Tr.đồng	260.952	256.100	-
Nợ phải trả	Tr.đồng	25.858	19.827	-
Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	235.094	236.273	-

Chi phí tiền lương	Tr.đồng	54.923	55.380	-
Tỷ suất Lợi nhuận ST/ Vốn CSH (ROE)	%	8,5	8,9	-
Tỷ suất Lợi nhuận ST/ Tổng TS (ROA)	%	7,6	8,2	-
Tỷ suất Lợi nhuận ST/ Doanh thu	%	11,7	12,4	-

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

- Tổng số lượng: 193 tài sản, trong đó:

Hạng mục	Số Lượng	Nguyên Giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
<i>Tài sản vô hình</i>	<i>1</i>	<i>395.862.000</i>	<i>283.701.100</i>
<i>Tài sản hữu hình</i>	<i>192</i>	<i>495.891.573.044</i>	<i>202.896.749.335</i>
+ <i>Dụng cụ quản lý</i>	7	381.781.818	168.951.066
+ <i>Máy móc, thiết bị động lực</i>	17	13.888.468.221	3.861.739.033
+ <i>Thiết bị, phương tiện vận tải xếp dỡ</i>	71	177.952.776.560	110.030.071.282
+ <i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	46	294.332.941.357	83.317.906.769
+ <i>Tài sản cố định khác</i>	52	9.335.605.088	5.518.081.185
<b>Tổng cộng</b>	<b>193</b>	<b>496.287.435.044</b>	<b>203.180.450.435</b>

- Biến động tăng giảm tài sản:

Hạng mục	Biến động tăng (đồng)	Biến động giảm (đồng)
<i>Tài sản vô hình</i>	-	-
<i>Tài sản hữu hình</i>	<i>91.016.076.594</i>	-
+ <i>Dụng cụ quản lý</i>	109.090.909	-
+ <i>Máy móc, thiết bị động lực</i>	1.968.932.907	-
+ <i>Thiết bị, phương tiện vận tải xếp dỡ</i>	83.778.479.265	-
+ <i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	-	-

+ Tài sản cố định khác	5.159.573.513	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>91.016.076.594</b>	<b>-</b>

- Đánh giá Hệ số hao mòn TSCĐ = Giá trị khấu hao/Nguyên giá = 0,59; Hệ số đổi mới TSCĐ = TSCĐ mới trong năm/Nguyên giá TSCĐ x 100% = 18,34%; các hệ số này cho thấy Tài sản cố định nhìn chung là cũ, và công ty đang chú trọng hơn đến công tác đầu tư xây dựng và mua sắm mới TSCĐ.

- Đánh giá Hiệu suất sử dụng TSCĐ = Doanh thu thuần trong kỳ/Nguyên giá TSCĐ bình quân = 0,34; Chỉ tiêu này cho thấy cứ mỗi đồng tài sản tạo ra 0,34 đồng doanh thu thuần.

- Đánh giá Tỷ suất sinh lời TSCĐ = Lợi nhuận ròng/Nguyên giá TSCĐ bình quân = 0,05; Chỉ tiêu này cho thấy cứ mỗi đồng tài sản tạo ra 0,05 đồng lợi nhuận ròng.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Hệ số nợ = Nợ phải trả/Tổng tài sản = 0,077. Nợ phải trả bằng 77% so với cùng kỳ năm 2016, các khoản nợ đều nằm trong thời hạn thanh toán và không có nợ quá hạn.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay. Hiện tại Công ty không có nợ xấu phải trả và các hoạt động kinh doanh sử dụng bằng tiền đồng Việt Nam nên không có sự ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá.

#### IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

##### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

\* Về kết quả SXKD đạt được năm 2017.

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện năm 2017	So sánh (%) thực hiện 2017 với	
					Kế hoạch 2017	Thực hiện 2016
Sản lượng	Tấn	3.135.303	3.200.000	3.639.418	113,7	116
Doanh thu	Triệu đồng	169.096	165.000	169.510	102,7	100,2
Lợi nhuận	Triệu	24.898	26.000	26.052	100,2	104,6

	đồng					
--	------	--	--	--	--	--

- **Sản lượng** hàng hóa thông qua là: 3.639.418 tấn, tăng 13,7% so với kế hoạch năm 2017 và tăng 16% so với năm 2016.

- **Doanh thu** là: 169.510.054.414 đồng, tăng 2,7% so với kế hoạch năm 2017 và 0,2% so với năm 2016.

- **Lợi nhuận** là: 26.051.677.450 đồng, tăng 0,2% so với kế hoạch năm 2017 và tăng 4,6% so với năm 2016.

*\* Về công tác đầu tư.*

**Đối với dự án đầu tư được chuyển tiếp từ năm 2016 thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt thực hiện.**

Dự án đầu tư 01 cần cầu bán lớp 100 tấn có tổng mức đầu tư được phê duyệt là 85 tỷ đồng, đã được nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng vào ngày 5/9/2017.

Đến nay dự án đã được Hội đồng quản trị phê duyệt giá trị quyết toán dự án hoàn thành là: **84.857.438.356 đồng**. Bao gồm:

- Giá trị thiết bị: 77.040.909.090 đồng.
- Thuế VAT: 7.704.090.910 đồng
- Chi phí lãi vay: 112.438.356 đồng

**Đối với các dự án giao cho Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện.**

Các dự án đã thực hiện, được tiến hành đúng các quy trình, thủ tục đầu tư theo các quy định của pháp luật và công ty. Các dự án hoàn thành được đưa vào sử dụng đảm bảo hiệu quả cho hoạt động SXKD của Công ty.

*\* Về công tác quản trị tài chính.*

Công tác quản lý tài chính trong năm 2017 luôn được HĐQT chú trọng đúng mức, công tác kiểm toán, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong xây dựng cơ bản thường xuyên được tăng cường, công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo điều lệ, quy định của pháp luật. Thực hiện tốt công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật đối với công ty niêm yết.

*2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Năm 2017 các thành viên Ban điều hành và cán bộ quản lý công ty đã thực hiện tốt các nhiệm vụ của mình trong việc sử dụng và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của công ty, tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch HĐQT giao, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, các chế độ chính sách với người lao động.

*3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Tiếp tục xây dựng Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh trở thành Doanh nghiệp cảng biển có thương hiệu, uy tín, chất lượng hàng đầu trong khu vực.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh đã được Đại hội đồng cổ đông lần đầu năm 2015 bầu 07 thành viên, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã tiến hành sửa đổi điều lệ và bầu bổ sung rút gọn HĐQT còn 05 thành viên; bao gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch HĐQT	-	-
2	Lê Doãn Long	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng giám đốc	44.900	0,21
3	Lê Duy Dương	Thành viên HĐQT	-	-
4	Hoàng Tất Thắng	Thành viên HĐQT	-	-
5	Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	-	-

#### c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất đại diện cho quyền lợi các cổ đông, trong năm 2017, HĐQT đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ theo chuẩn mực quản trị của Công ty Cổ phần. Hội đồng quản trị tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định và có sự phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT trong từng lĩnh vực và hoạt động cụ thể. Các thành viên HĐQT đã tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia các ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề quyết định của HĐQT cũng như cho ý kiến đầy đủ tại các phiếu lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT. HĐQT đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể:

- Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành; giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm.

- Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong năm 2017.

- Thông qua báo cáo tháng, quý, sáu tháng, năm trước khi công bố thông tin theo quy định.

- Quyết định việc vay nợ và thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty.

- Tổ chức thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2016.

- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

- Trình báo cáo quyết toán tài chính năm 2016 đã được kiểm toán và kiến nghị mức cổ tức được chi trả năm 2016 lên Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

\* *Tổng kết các cuộc họp HĐQT.*

Trong năm 2017 HĐQT đã triệu tập 6 phiên họp và 7 lần lấy ý kiến bằng văn bản về các vấn đề sau:

- Thông qua phê duyệt các bước thực hiện dự án đầu tư cầu bánh lốp di động 100 tấn.

+ ) Phê duyệt Biên bản thương thảo hợp đồng, Gói thầu: Cung cấp 01 cần cẩu bánh lốp 100 tấn.

+ ) Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu, Gói thầu: Cung cấp 01 cần cẩu bánh lốp 100 tấn.

+ ) Phê duyệt Hợp đồng kinh tế, gói thầu: Cung cấp 01 cần cẩu bánh lốp 100 tấn.

+ ) Ủy quyền cho Tổng giám đốc ký kết Hợp đồng kinh tế, gói thầu: Cung cấp 01 cần cẩu bánh lốp 100 tấn.

+ ) Ủy quyền cho Tổng giám đốc ký kết Hợp đồng tín dụng vay vốn ngân hàng đối với Dự án: Đầu tư 01 cần cẩu bánh lốp 100 tấn.

+ ) Cử các thành viên tham gia Nghiệm thu cần cẩu 100 tấn trước khi xuất xưởng.

+ ) Quyết định thuê đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán toàn bộ dự án.

+ ) Quyết định thành lập tổ thẩm tra dự án hoàn thành.

+ ) Phê duyệt giá trị quyết toán dự án hoàn thành.

- Thông qua trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2017:

+ ) Kết quả SXKD năm 2016.

+ ) Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán.

+ ) Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2017.

+ ) Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017.

+ ) Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016.



- + ) Kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2017.
  - + ) Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh
    - Thông qua ngày tổ chức Họp Đại hội đồng cổ thường niên năm 2017.
    - Thông qua Kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2017.
    - Thông qua việc lựa chọn kiểm toán Deloitte (Công ty TNHH Deloitte Việt Nam) là đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2017.
    - Thông qua tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017.
    - Cho ý kiến nhận xét, đánh giá đối với các người đại diện vốn và kiểm soát viên của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc thực hiện nhiệm vụ công tác trong năm 2016.
    - Thông qua trình ĐHCĐ thường niên năm 2017 thay đổi cơ cấu tổ chức của HĐQT từ 07 thành viên xuống còn 05 thành viên.
    - Cho ý kiến đánh giá mức độ hoàn thành công việc của Người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP lai dất và dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò năm 2016.
      - Thông qua đơn từ nhiệm và bầu bổ sung các thành viên HĐQT.
      - Thông qua bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị.
      - Thông qua quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020 – 2025.
      - Thông qua thời gian chi trả cổ tức năm 2016 là ngày 4/9/2017.
      - Thông qua việc phân phối quỹ thưởng của Ban quản lý, điều hành năm 2016.
    - Đồng ý về mặt chủ trương đối với việc cho thuê bãi Cảng Hưng Hòa với thời gian cho thuê là 03 năm.
      - Thông qua Kế hoạch quỹ lương của Người quản lý năm 2017.
      - Thông qua công tác bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh theo Nội dung Tờ trình số: 230/CNT ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Tổng giám đốc Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh
- Ngoài ra còn nhiều chỉ đạo khác đôn đốc và định hướng cho Ban điều hành trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có thành viên Ban kiểm soát tham dự với tư cách quan sát viên.

## 2. Ban Kiểm soát

### a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
----	-----------	---------	-------------------	--------------------------

1	Ngô Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban kiểm soát	-	-
2	Nguyễn Thế Tiến	Thành viên BKS	-	-
3	Nguyễn Danh Hải	Thành viên BKS	6.600	0,03

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát (BKS) đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành, tuân thủ Điều lệ và quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. BKS đã thực hiện các công việc như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty. Tổ chức kiểm tra, giám sát chương trình hoạt động của HĐQT, Ban TGD Công ty. Xem xét các Nghị quyết, Quyết định do Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc ban hành trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, việc tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định cũng như tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT trong năm 2017.

- BKS đã tham dự các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt và kiến nghị thực hiện những thay đổi cần thiết để góp phần tăng hiệu quả hoạt động. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS luôn có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý doanh nghiệp để hoạt động luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và đạt hiệu quả cao nhất.

- Kiểm tra, giám sát tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, việc thực hiện các dự án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty thông qua.

- Thẩm định các Báo cáo tài chính của Công ty do Ban Tổng giám đốc xác lập, những kiến nghị của kiểm toán viên đưa ra trong quá trình kiểm toán. Rà soát, thảo luận cùng Ban Tổng giám đốc, kiểm toán viên về Dự thảo Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính 2017.

- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà được Đại hội đồng cổ đông giao cho.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

c. Kết quả giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

*- Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT:*

+ Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã họp 06 lần và 07 lần lấy ý kiến bằng văn bản, các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao, các cuộc họp, cuộc kiểm phiếu được ghi Biên bản đầy đủ.

+ Trong năm 2017, Hội đồng quản trị ban hành 08 Nghị quyết, các Nghị quyết này đều được sự thống nhất của các thành viên và phù hợp với Điều lệ hoạt động của Công ty, mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 và quy định của pháp luật hiện hành.

+ Các thành viên Hội đồng quản trị đều thực hiện đầy đủ trách nhiệm nghĩa vụ và quyền hạn được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty và Quy chế tài chính công ty.

Trên cơ sở kết hợp phân tích diễn biến tình hình thực tiễn Hội đồng quản trị đã định hướng và chỉ đạo mọi hoạt động của Công ty đồng thời giám sát, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, nhằm bám sát các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao, sử dụng vốn đúng mục đích có hiệu quả, bảo toàn vốn của cổ đông.

Ban Kiểm soát đánh giá trong năm qua mặc dù nền kinh tế còn rất khó khăn, xong HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ của mình.

*- Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:*

Trên cơ sở các Nghị quyết Hội đồng quản trị, trong năm 2017 Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện các công việc sau:

+ Xây dựng, ban hành các quy chế, quy định, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc,

+ Nỗ lực đảm bảo duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý, phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của công ty: đẩy mạnh công tác tiếp thị, nâng cao chất lượng dịch vụ; quản lý chặt chẽ chi phí, tìm các biện pháp để tiết kiệm, tránh lãng phí; thực hiện nghĩa vụ với nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động.

+ Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện các thủ tục niêm yết toàn bộ số cổ phiếu đã phát hành của Cảng Nghệ Tĩnh trên sàn HNX cũng như hoàn thành công tác đầu tư 01 căn cầu chân đế 100 tấn và đưa vào khai thác sử dụng mang lại hiệu quả kinh tế.

Ban Kiểm soát đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của Hội đồng quản trị, đồng thời đã điều hành hoạt động SXKD của doanh

nghiệp phù hợp với Điều lệ công ty và quy định của pháp luật đồng thời bám sát hoạt động kinh doanh tại đơn vị, linh hoạt trong công tác điều hành Ban Tổng giám đốc đã có những kiến nghị quan trọng giúp Hội đồng quản trị có những chỉ đạo kịp thời giúp công tác sản xuất kinh doanh ổn định, bám sát kế hoạch đề ra

*3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.

Tổng mức thù lao năm 2017 được ĐHCĐ phê duyệt : 324.000.000 đồng; trong đó:

- Hội đồng quản trị:

Trong đó:	Chủ tịch HĐQT	3.500.000 đồng/tháng
	Thành viên HĐQT	2.500.000 đồng/người/tháng

- Ban kiểm soát:

Trong đó:	Trưởng BKS	2.500.000 đồng/tháng
	Thành viên BKS	2.000.000 đồng/người/tháng

- Hiện tại Công ty đã hoàn thành việc chi trả thù lao năm 2017 cụ thể:

Tổng mức thù lao được duyệt là: 324.000.000 đồng, tổng số tiền đã thực hiện chi trả là: 265.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng); nguyên nhân do việc thay đổi cơ cấu Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc giao dịch tăng 700.000 cổ phiếu.

- Ông Nguyễn Xuân Hùng – Kế toán trưởng Công ty giao dịch tăng 2.700 cổ phiếu.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Các quy định về quản trị nội bộ được tuân thủ và thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

## **VI. Báo cáo tài chính**

*1. Báo cáo của Ban giám đốc.*

*2. Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH**  
Số 10, Đường Trường Thi, Thành phố Vinh,  
Tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này, gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2017)
Ông Lê Đoàn Long	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2017)
	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2017)
Ông Bùi Kiều Hưng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2017)
Ông Trần Văn Đạt	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2017)
Ông Nguyễn Quang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2017)
Ông Lê Duy Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông Hoàng Tất Thắng	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Lê Đoàn Long	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Kiều Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Đạt	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH**  
Số 10, Đường Trường Thi, Thành phố Vinh,  
Tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

#### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị,



**Lê Đoàn Long**  
Tổng Giám đốc/Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày 09 tháng 3 năm 2018

Số: 54 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 09 tháng 3 năm 2018, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Vũ Đức Nguyễn**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0754-2016-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 09 tháng 3 năm 2018

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Nguyễn Tiến Quốc**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3008-2014-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>38.233.341.201</b>	<b>100.738.405.509</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>13.888.158.728</b>	<b>44.638.058.202</b>
1. Tiền	111		5.888.158.728	1.738.058.202
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	42.900.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>29.715.528.893</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	29.715.528.893
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>21.667.575.423</b>	<b>24.039.121.644</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	22.068.542.523	23.766.614.466
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		237.310.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	505.329.180	707.166.281
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.144.806.282)	(440.699.103)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>2.129.596.739</b>	<b>2.124.206.143</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.129.596.739	2.124.206.143
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>548.010.311</b>	<b>227.490.627</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		536.565.332	209.195.649
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	41.444.979	18.294.979
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>217.866.318.476</b>	<b>160.213.505.789</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>203.180.450.435</b>	<b>143.673.944.787</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	202.896.749.335	143.311.071.287
- Nguyên giá	222		495.891.573.044	404.875.496.450
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(292.994.823.709)	(261.564.425.163)
2. Tài sản cố định vô hình	227		283.701.100	362.873.500
- Nguyên giá	228		395.862.000	395.862.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(112.160.900)	(32.988.500)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>49.000.000</b>	<b>1.803.355.550</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		49.000.000	1.803.355.550
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9</b>	<b>4.860.000.000</b>	<b>4.860.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.860.000.000	4.860.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.776.868.041</b>	<b>9.876.205.452</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		9.776.868.041	9.876.205.452
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>256.099.659.677</b>	<b>260.951.911.298</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

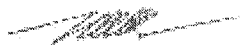
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>19.826.775.276</b>	<b>25.857.591.819</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>19.826.775.276</b>	<b>25.857.591.819</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	3.375.659.075	2.956.043.130
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		35.672.585	461.572.525
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	685.177.408	2.455.780.364
4. Phải trả người lao động	314		11.794.558.028	13.590.556.577
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	2.500.000.000	2.500.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	1.206.034.420	3.893.639.223
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		26.673.760	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>236.272.884.401</b>	<b>235.094.319.479</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>236.272.884.401</b>	<b>235.094.319.479</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.172.000.000	215.172.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		215.172.000.000	215.172.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.100.884.401	19.922.319.479
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		159.059.330	56.591.819
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		20.941.825.071	19.855.627.660
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>256.099.659.677</b>	<b>260.951.911.298</b>



Nguyễn Thị Thanh Hồng  
Người lập biểu

Ngày 09 tháng 3 năm 2018



Nguyễn Xuân Hùng  
Kế toán trưởng



Lê Đoàn Long  
Tổng Giám đốc/  
Thành viên Hội đồng quản trị

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	17	165.843.481.765	164.175.936.909
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		165.843.481.765	164.175.936.909
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	18	124.712.028.677	127.221.557.183
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		41.131.453.088	36.954.379.726
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.092.773.604	2.726.576.251
7. Chi phí tài chính	22		637.165.606	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		419.831.703	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	17.947.303.655	16.841.080.036
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		24.639.762.431	22.639.875.941
10. Thu nhập khác	31	20	1.573.794.045	2.194.532.076
11. Chi phí khác	32		161.879.026	136.452.443
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.411.915.019	2.058.079.633
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		26.051.677.450	24.897.955.574
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	5.109.852.379	5.032.327.914
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		20.941.825.071	19.865.627.660
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	708	785

  
Nguyễn Thị Thanh Hồng  
Người lập biểu

Ngày 09 tháng 3 năm 2018

  
Nguyễn Xuân Hùng  
Kế toán trưởng



  
Lê Doãn Long  
Tổng Giám đốc/  
Thành viên Hội đồng quản trị

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>26.051.677.450</b>	<b>24.897.955.574</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	31.509.570.946	31.148.251.161
Các khoản dự phòng	03	703.947.179	(320.749.323)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.092.778.604)	(4.007.229.450)
Chi phí lãi vay	06	419.631.703	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>56.592.248.674</b>	<b>51.718.227.962</b>
Biến động các khoản phải thu	09	1.661.599.042	(5.267.221.360)
Biến động hàng tồn kho	10	(5.390.596)	714.038.831
Biến động các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.245.310.209)	(1.273.172.070)
Biến động chi phí trả trước	12	(198.032.273)	415.116.350
Tiền lãi vay đã trả	14	(419.831.703)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.487.781.317)	(5.124.796.083)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	8.100.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.389.093.545)	(4.838.133.017)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>45.008.408.073</b>	<b>36.352.160.313</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(90.639.476.594)	(18.997.869.051)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.803.355.550	168.545.455
3. Tiền chi cho đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23	(46.000.000.000)	(11.855.553.083)
4. Tiền thu từ đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24	75.715.528.693	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(2.574.196.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	2.557.554.794
7. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.092.778.604	2.726.576.251
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(57.027.813.547)</b>	<b>(27.984.901.634)</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	32.742.829.255	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(22.742.829.255)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.730.494.000)	(8.811.522.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(18.730.494.000)</i>	<i>(8.811.522.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(30.749.899.474)	(444.263.321)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	44.638.058.202	45.082.321.523
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	13.888.158.728	44.638.058.202

Nguyễn Thị Thanh Hồng  
Người lập biểu

Ngày 09 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Xuân Hùng  
Kế toán trưởng



Lê Đôn Long  
Tổng Giám đốc/  
Thành viên Hội đồng quản trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**1. THÔNG TIN KHAI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh theo Quyết định số 749/NQ-HHVN ngày 19/3/2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam.

Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội đã thông báo kết quả bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh. Vốn điều lệ của Công ty sau khi cổ phần hóa là 215.172.000.000 VND. Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900325068 ngày 01 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, với vốn điều lệ là 215.172.000.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 503 (31 tháng 12 năm 2016: 504).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 10, đường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường thủy;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: xây dựng công trình giao thông, cảng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, điện năng (đường dây và trạm biến áp dưới 35KV);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các mặt hàng cơ khí;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, sắt thép, phế liệu, hàng làm sẵn, chổ sẵn;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: kinh doanh khí hóa lỏng (gas);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ dẫn dắt tàu ra ngoài cảng, lai dắt tàu biển, hướng dẫn, kiểm tra tàu hoạt động trong khu vực cảng; Dịch vụ cứu hộ, cứu nạn tàu thuyền trên biển; Dịch vụ tàu biển, thu gom hàng trôi;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải thủy đến 400 tấn; Phá dỡ tàu thủy, phương tiện thiết bị cũ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi và kho quan ngoại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh nhà nghỉ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Xây dựng và kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Lại đất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Nghệ An, Việt Nam	36	36	Cung cấp dịch vụ lại đất và dịch vụ hàng hải

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

11/12/2017  
BKC/CL





Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình (tính do tự làm, tự xây dựng) bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Năm 2017</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Tài sản khác	04 - 10

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

#### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

#### **Công ty là bên cho thuê**

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### **Công ty là bên đi thuê**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

#### **Các khoản trả trước**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và chi phí nào vật được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ (thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó). Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi trên gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản lưu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay nặng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

nhận theo phương pháp bàng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	481.972.222	331.809.576
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.406.186.506	1.406.248.626
Các khoản tương đương tiền: (i)	8.000.000.000	42.900.000.000
	<b><u>13.888.158.728</u></b>	<b><u>44.638.058.202</u></b>

(i) Tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Nhật Việt	3.601.938.325	4.015.689.444
Công ty Cổ phần Vận Tải Biển GL (trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Biển Đại Tây Dương)	1.093.128.106	2.887.850.280
Công ty Cổ phần Xi Măng Sông Lam	2.453.293.377	252.986.042
Công ty Cổ phần Khoáng sản Nghệ An	906.642.884	1.506.642.884
Công ty Cổ phần Vận Tải 1 TRACO	1.605.360.646	2.864.714.340
Các khách hàng khác	12.408.179.187	12.238.731.476
	<b><u>22.068.542.525</u></b>	<b><u>23.766.614.466</u></b>
Trong đó:		
Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 24)	82.745.228	-
	<b><u>82.745.228</u></b>	<b><u>-</u></b>

6. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Bắc Sơn	429.444.738	-	429.444.738	128.833.421
Công ty Cổ phần Ánh Dương	132.306.698	-	132.306.698	132.306.698
Các khách hàng khác	604.139.715	21.284.869	735.710.976	595.663.190
	<b>1.165.891.151</b>	<b>21.284.869</b>	<b>1.297.462.412</b>	<b>856.803.309</b>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	-	76.261.252
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	11.716.667	231.844.444
Chi phí khắc phục sự cố (i)	374.344.489	-
Phải thu khác	120.268.024	398.960.585
	<b>506.329.180</b>	<b>707.166.281</b>

(i) Phạm ảnh số biên dự kiến được bồi thường từ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội liên quan tới sự cố gây cần cầu chân đế số 1 Xi nghiệp xây dựng Cửa Lò theo Công văn số 1027/2017/CV-BSH-QI NV II ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc phương án giải quyết tổn thất cần trục của Công ty tại Cảng Cửa Lò.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.812.525.460	-	1.872.683.120	-
Công cụ, dụng cụ	317.071.279	-	251.523.023	-
<b>Cộng</b>	<b>2.129.596.739</b>	<b>-</b>	<b>2.124.206.143</b>	<b>-</b>

**9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty liên kết (i)				
Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	4.860.000.000	-	4.860.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.860.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.860.000.000</b>	<b>-</b>

- (i) Đầu tư vào công ty liên kết phản ánh khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò với tỷ lệ sở hữu 35% tương đương số tiền 4.860.000.000 VND thông qua ba hình thức góp vốn bằng tiền mặt, hàng hóa và tài sản theo Giấy chứng nhận phân vốn góp ngày 23 tháng 5 năm 2016. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò là kinh doanh dịch vụ lai dắt hỗ trợ tàu biển ra vào Cảng Cửa Lò.

Tóm tắt tình hình hoạt động công ty liên kết trong năm:

**Năm 2017**

**Công ty liên kết**

Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò

Hoạt động kinh doanh có lãi

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 24.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản.

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp/Bù trừ	
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Các loại thuế khác	18.294.979	181.258.395	204.408.395	41.444.979
Thuế thu nhập cá nhân	18.294.979	181.258.395	204.408.395	41.444.979
<b>Cộng</b>	<b>18.294.979</b>	<b>181.258.395</b>	<b>204.408.395</b>	<b>41.444.979</b>
<b>b) Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.044.745.312	9.510.704.789	9.700.378.807	855.071.314
- Thuế GTGT đầu ra	1.044.745.312	9.510.704.789	9.700.378.807	855.071.314
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.411.035.032	5.108.852.378	6.487.781.317	33.106.094
Các loại thuế khác	-	2.052.242.000	2.052.242.000	-
- Thuế khác	-	2.052.242.000	2.052.242.000	-
Các khoản phải nộp khác	-	92.953.973	52.953.973	-
- Các khoản phí, lệ phí	-	92.953.973	92.953.973	-
<b>Cộng</b>	<b>2.455.780.364</b>	<b>16.765.755.141</b>	<b>18.333.356.097</b>	<b>888.177.408</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và bất kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	294.332.941.357	11.919.535.314	94.174.297.295	272.690.999	4.176.031.575	404.875.496.450
Mua sắm mới	-	79.322.280.351	5.625.131.418	109.030.909	5.459.573.513	91.016.076.594
Số dư cuối năm	294.332.941.357	12.041.815.668	100.799.429.113	381.761.818	9.335.605.088	495.891.573.044
<b>GIÁ TRỊ HẠO MÓN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	192.457.661.983	8.696.379.864	57.146.358.633	169.299.244	3.094.725.439	261.564.425.163
Trích khấu hao trong năm	18.557.372.605	1.530.349.324	10.776.316.595	45.531.508	722.798.161	31.430.398.546
Số dư cuối năm	211.015.034.588	10.226.729.188	67.922.705.278	212.830.752	3.817.523.903	292.994.823.709
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày cuối năm	83.317.906.769	81.015.086.480	32.876.723.835	168.951.066	5.518.081.185	202.896.749.335
Tại ngày đầu năm	101.875.279.374	3.223.155.450	37.027.936.662	103.391.665	4.081.306.136	143.311.071.287

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của TSCĐ hao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị: 30.384.855.249 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 9.953.966.531 VND).

Công ty đã thế chấp một số máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 90.338.983.835 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản vay này không còn số dư.

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Khu vận Nhật Việt Nghệ An	2.236.835.700	2.559.671.400
Công ty TNHH Xây lắp và Thương mại Đại Hoàng Gia	376.600.000	-
Các đối tượng khác	762.223.375	396.371.730
	<b>3.375.659.075</b>	<b>2.956.043.130</b>

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ nợ vớt lũng vào cảng cá	2.500.000.000	2.500.000.000
	<b>2.500.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>

**14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHYT	4.502.225	114.361.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	1.947.078.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.201.532.195	1.832.200.223
	<b>1.206.034.420</b>	<b>3.893.639.223</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	215.172.000.000	12.723.872.728	227.895.872.728
Lợi nhuận trong năm	-	19.865.627.660	19.865.627.660
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.908.580.909)	(1.908.580.909)
Công bố chi trả cổ tức	-	(10.758.600.000)	(10.758.600.000)
Số dư đầu năm nay	215.172.000.000	19.922.319.479	235.094.319.479
Lợi nhuận trong năm	-	20.941.825.071	20.941.825.071
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(2.979.844.149)	(2.979.844.149)
Chi trả cổ tức (i)	-	(16.783.416.000)	(16.783.416.000)
Số dư cuối năm nay	215.172.000.000	21.100.884.401	236.272.884.401

(i) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và công bố chi trả cổ tức 780 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết số 02 -17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.517.200	21.517.200
+ Cổ phiếu phổ thông	21.517.200	21.517.200
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.517.200	21.517.200
+ Cổ phiếu phổ thông	21.517.200	21.517.200

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn đầu tư và điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900325068 ngày 01 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, vốn điều lệ của Công ty là 215.172.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông thực góp như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	109.737.720.000	51,00%	109.737.720.000	109.737.720.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	38.941.560.000	18,10%	38.941.560.000	38.941.560.000
Ông Bùi Ngọc Yên	23.131.010.000	10,75%	23.131.010.000	23.131.010.000
Các cổ đông khác	43.361.710.000	20,15%	43.361.710.000	43.361.710.000
	215.172.000.000	100%	215.172.000.000	215.172.000.000



**16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ Bốc xếp hàng hóa. Trong năm, hoạt động sản xuất, kinh doanh khác tại đơn vị không trọng yếu; theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.

**17. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu tại Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	149.007.654.788	151.695.913.556
Doanh thu tại Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy	15.835.826.977	12.480.073.053
	<b>165.843.481.765</b>	<b>164.175.936.909</b>

**18. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn tại Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	110.268.876.599	112.991.043.483
Giá vốn tại Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy	14.443.152.078	14.230.513.700
	<b>124.712.028.677</b>	<b>127.221.557.183</b>

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.499.222.624	14.276.773.535
Chi phí nhân công	62.533.403.363	62.062.529.789
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.509.570.946	31.115.262.661
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.623.722.008	27.161.942.355
Chi phí khác bằng tiền	10.789.466.212	9.766.878.202
	<b>141.955.385.153</b>	<b>144.383.386.542</b>

20. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	172.727.273
Lãi do đánh giá lại tài sản	-	1.112.107.744
Tiền phạt thu được	30.000.000	15.931.000
Các khoản khác	1.543.794.045	893.766.059
	<b>1.573.794.045</b>	<b>2.194.532.076</b>

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.768.850.294	8.043.750.462
Chi phí khấu hao tài sản cố định	730.744.417	866.395.547
Chi phí dự phòng	769.732.810	225.936.734
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.308.760.843	2.694.189.291
Chi phí bằng tiền khác	5.541.582.032	3.732.091.811
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	827.633.259	1.276.716.191
	<b>17.947.303.655</b>	<b>16.841.080.036</b>

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.051.677.450	24.897.955.574
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Trừ thu nhập không chịu thuế	(619.665.400)	(57.594.794)
- Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	117.249.845	321.278.791
Thu nhập chịu thuế	25.549.261.895	25.161.639.571
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.109.852.379	5.032.327.914
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.109.852.379</b>	<b>5.032.327.914</b>

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.941.825.071	19.865.627.660
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(3.769.528.513)	(2.979.844.149)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.172.296.558	16.885.783.511
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	21.517.200	21.517.200
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>798</b>	<b>785</b>

Trong năm 2017, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02-17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017 đã thông qua phương án trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016 và kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017. Do vậy, Công ty đã xác định lại lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2016 là 785 VND/cổ phần (số trình bày trên báo cáo năm 2016 là 923 VND/cổ phần) và tạm xác định quỹ khen thưởng, phúc lợi để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 theo kế hoạch trích của nghị quyết trên.

**24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Lai đặt và dịch vụ Hàng Hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

**Giao dịch với bên liên quan**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Công ty Cổ phần Lai đất và dịch vụ Hàng Hải Cảng Cửa Lò</b>		
Mua hàng và dịch vụ	-	3.485.102.500
Bán hàng và dịch vụ	250.517.968	20.909.091
Góp vốn	-	4.860.000.000
Nhận cổ tức	619.665.400	-
	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Trả cổ tức</b>		
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	8.559.542.160	5.486.886.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	4.994.519.680	-

**Số dư với bên liên quan**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Lai đất và dịch vụ Hàng Hải Cảng Cửa Lò	52.792.328	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	29.953.000	-

**Thu nhập của Ban Giám đốc**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.164.160.000	1.091.451.000

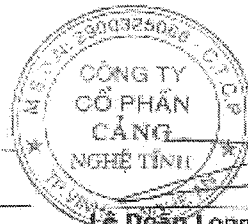


**Nguyễn Thị Thanh Hồng**  
**Người lập biểu**

Ngày 09 tháng 3 năm 2018



**Nguyễn Xuân Hùng**  
**Kế toán trưởng**



**Lê Đoàn Long**  
**Tổng Giám đốc/**  
**Thành viên Hội đồng quản trị**

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

*Handwritten initials*

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ DOÃN LONG